

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1399/QĐ-BTC ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1776/TTr-STC ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính, thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum (Có Danh mục các thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và bãi bỏ các

thủ tục hành chính số: 2, 3, 4, 5, 6 khoản I mục A phụ lục kèm theo Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Tài chính, thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính để thực hiện theo đúng quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4 (t/h);
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (để b/cáo);
- Sở Tài chính;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Viễn Thông Kon Tum (để phối hợp);
- Lưu: VT, TTHCC.LTLH



CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Tuấn

Phụ lục:

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 266 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới.

ST T	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bưu chính công ích
I	Lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp								
1	3.00021 4.H34	Xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ: - Thông tư số 57/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính.	x	x	x

B. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	Lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp		
01	1.007616.000.00.00.H34	Lập, phân bổ dự toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản	
02	1.007614.000.00.00.H34	Lập phương án giá tiêu thụ, mức trợ giá	
03	1.007621.000.00.00.H34	Quyết toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản	
04	1.007618.000.00.00.H34	Tạm ứng kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản	
05	1.007619.000.00.00.H34	Thanh toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản	

